

Số: 2423 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 26 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Hồng Tiến,
huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (tỷ lệ 1/500)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ văn bản số 747/ TTg-CN ngày 18/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Nam Định;

Căn cứ văn bản số 151/UBND-VP5 ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc tài trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng KCN Hồng Tiến, huyện Ý Yên (tỷ lệ 1/500);

Căn cứ Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị mới thuộc địa phận 4 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến huyện Ý Yên đến năm 2035;

Xét văn bản số 97/SXD-QH ngày 15/12/2022 của Sở Xây dựng về việc thẩm định Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Hồng Tiến, huyện Ý Yên (tỷ lệ 1/500);

Theo đề nghị của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định tại Tờ trình số 1356/TTr-BQLCKCN ngày 16/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Hồng Tiến, huyện Ý Yên (tỷ lệ 1/500), với nội dung sau:

I. DANH MỤC CÁC BẢN VẼ

- 1 - Sơ đồ vị trí, ranh giới lập quy hoạch (QH-01).
- 2 - Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng (QH-02).
- 3 - Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật (QH-03).
- 4 - Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (QH-04).
- 5 - Bản đồ quy hoạch chia lô (QH-05).
- 6 - Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan (QH-06).
- 7 - Bản đồ quy hoạch giao thông; chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật (QH-07).
- 8 - Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mưa (QH-08).
- 9 - Bản đồ quy hoạch thoát nước thải (QH-09).
- 10 - Bản đồ quy hoạch cấp nước, trụ chữa cháy (QH-10).
- 11 - Bản đồ quy hoạch cấp điện sản xuất (QH-11A).
- 12 - Bản đồ quy hoạch cấp điện chiếu sáng (QH-11B).
- 13 - Bản đồ quy hoạch tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật (QH-12).
- 14 - Bản đồ hiện trạng môi trường (QH-13).
- 15 - Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược (QH-14).
- 16 - Bản đồ quy hoạch phân khu chức năng ngành nghề (QH-15).
- 17 - Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và chia lô (QH-TH).

II. PHẠM VI RANH GIỚI, MỤC TIÊU, QUY MÔ VÀ TÍNH CHẤT

1. Phạm vi ranh giới

Khu vực lập quy hoạch thuộc địa phận xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Đông giáp nương nước và ruộng lúa;
- Phía Tây giáp đường TL490;
- Phía Nam giáp nương nước, khu dân cư hiện hữu các xóm Cộng Hòa, xóm Trung Thứ và xóm Bắc Sơn thuộc thôn Thượng Đồng;
- Phía Bắc giáp đường huyện nối đê Tả đáy với đường 57B (đang triển khai thi công), đường sắt Bắc - Nam và đường QL10.

2. Mục tiêu

Nhằm thu hút đầu tư các ngành công nghệ cao, thân thiện môi trường. Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động địa phương; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng của các ngành công nghiệp và dịch vụ, tuân thủ định hướng phát triển chung của tỉnh.

Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hiện đại, đấu nối thuận lợi với hệ thống giao thông hiện hữu, đảm bảo chỉ tiêu theo quy chuẩn xây dựng nhằm hình thành khu công nghiệp Hồng Tiến văn minh, phát triển đồng bộ, bền vững.

3. Quy mô: Diện tích quy hoạch Khu công nghiệp Hồng Tiến, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên là 113,89ha. Dự kiến lao động trong Khu công nghiệp Hồng Tiến sẽ khoảng 10.000 người.

4. Tính chất

Là khu công nghiệp chuyên ngành, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật xây dựng mới đồng bộ, hiện đại, thân thiện môi trường, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất lắp ráp hàng điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (chiếm trên 60% tỷ trọng ngành nghề trong khu công nghiệp).

Ngoài ra còn có công nghiệp phụ trợ (dành khoảng 5ha cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư,...).

Không thu hút các ngành nghề dệt may, dệt nhuộm, da giày, các dự án sản xuất đồ chơi sử dụng nhiều lao động, dự án gây ô nhiễm môi trường.

Có các kết nối giao thông thuận tiện với đường TL490 cũng như các khu vực xung quanh.

III. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ ĐẤT ĐAI, HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Chỉ tiêu về đất đai

- Các khu kỹ thuật: $\geq 1\%$
- Giao thông: $\geq 10\%$
- Cây xanh: $\geq 10\%$
- Mật độ xây dựng:
 - + Khu xây dựng nhà máy xí nghiệp: $\leq 70\%$
 - + Khu Trung tâm điều hành; Khu kỹ thuật: $\leq 60\%$
 - + Khu dịch vụ: $\leq 80\%$
- Tầng cao công trình:
 - + Khu xây dựng nhà máy xí nghiệp ≤ 5 tầng
 - + Khu trung tâm điều hành ≤ 4 tầng
 - + Khu dịch vụ ≤ 8 tầng
 - + Khu công trình PCCC ≤ 3 tầng
 - + Khu kỹ thuật ≤ 2 tầng

- Chiều cao tối đa: Bao gồm chiều cao sàn tầng 1 + chiều cao các tầng + tum thang.

+ Công trình nhà máy xí nghiệp $\leq 25\text{m}$

+ Công trình điều hành $\leq 19\text{m}$

+ Công trình dịch vụ $\leq 34\text{m}$

+ Công trình PCCC $\leq 15\text{m}$

+ Công trình khu kỹ thuật $\leq 12\text{m}$.

2. Hạ tầng kỹ thuật

- Cấp điện

+ Điện khu công nghiệp 200kW/ha.

+ Điện khu hành chính, dịch vụ 30kW/ha.

+ Điện đường giao thông; công viên, cây xanh 10kW/ha.

+ Điện hạ tầng kỹ thuật 100kW/ha.

- Cấp nước

+ Nước cấp cho khu hành chính, dịch vụ; khu nhà máy công nghiệp; khu hạ tầng kỹ thuật $\geq 20\text{m}^3/\text{ha}/\text{ngày}$ cho 100% diện tích.

+ Nước cấp cho công trình giao thông 1,35 l/m².

+ Nước cứu hỏa 10 l/s cho 01 đám cháy.

+ Nước thất thoát, rò rỉ $\leq 15\%$ tổng lượng nước cấp.

- Thoát nước thải $\geq 80\%$ chỉ tiêu cấp nước tương ứng.

IV. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Quy hoạch sử dụng đất

Khu công nghiệp bao gồm 5 thành phần đất chính: (1) đất chia lô công nghiệp; (2) đất hành chính dịch vụ; (3) công trình hạ tầng kỹ thuật; (4) đất cây xanh, mặt nước; (5) đất giao thông, cụ thể:

1.1. Đất chia lô công nghiệp

Dựa vào tình hình sản xuất và nhu cầu sản xuất của địa phương, đất chia lô công nghiệp được định hướng các ngành nghề chủ yếu:

- Sản xuất lắp ráp hàng điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (các ngành nghề trên chiếm trên 60% tỷ trọng ngành nghề trong khu công nghiệp)

- Công nghiệp phụ trợ (để cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư,... được phân bổ khoảng 5ha đất chia lô trong khu công nghiệp).

- Các ngành công nghiệp khác (chú trọng thu hút các ngành nghề thân thiện môi trường. Không thu hút các ngành nghề dệt may, dệt nhuộm, da giày, các dự án sản xuất đồ chơi sử dụng nhiều lao động, dự án gây ô nhiễm môi trường).

1.2. Đất hành chính, dịch vụ công cộng

a) Đất công trình nhà điều hành: Gồm 2 vị trí:

- Bố trí tại góc phía Tây Bắc nút giao đường D3 với đường D1 diện tích khoảng 5.650m².

- Bố trí tại góc phía Tây Nam nút giao đường D3 với đường nối đê Tả Đáy diện tích khoảng 4.373m².

b) Đất công trình dịch vụ công cộng: Gồm 2 vị trí gần 2 khu điều hành khu công nghiệp. Khu 1 diện tích khoảng 5.541m², khu 2 diện tích khoảng 6.251m² với chức năng thương mại, dịch vụ và cơ sở lưu trú cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp.

c) Đất công trình phòng cháy chữa cháy: Công trình PCCC đặt tại phía Bắc của khu đất, giáp đường N1, diện tích khoảng 6.454m², nhằm thiết kế sân tập huấn, tập luyện và thực hành cho các chiến sĩ công an PCCC.

1.3. Đất công trình hạ tầng kỹ thuật

Bố trí 2 khu vực tại vị trí phía cuối đường N1, phía Bắc khu công nghiệp và giáp khu dịch vụ, cách xa các khu dân cư hiện hữu và thuận tiện đấu nối với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực.

- Diện tích khu kỹ thuật 1 là 14.410m², tại đây bố trí các hạng mục như nhà máy xử lý nước thải, hồ sự cố, hồ cảnh quan, bãi xe,... đảm bảo nhu cầu cho toàn khu công nghiệp.

- Diện tích khu kỹ thuật 2 là bãi xe tĩnh (BX-1) có diện tích 4.461m².

1.4. Đất cây xanh, mặt nước

Bố trí cây xanh diện tích khoảng 114.077 m² xung quanh khu công nghiệp (KCN) (chiếm 10,02%) nhằm cách ly KCN với các khu vực ngoài KCN, điều hòa không khí, đảm bảo môi trường trong lành trong khu vực sản xuất công nghiệp và các khu dân cư xung quanh (từ CX-01 đến CX-06). Dải cây xanh cách ly KCN với các khu vực xung quanh đảm bảo khoảng cách an toàn tối thiểu 10m.

Thiết kế hồ nước cảnh quan làm nhiệm vụ điều hòa vi khí hậu cho KCN đồng thời kết hợp cây xanh tạo khu công viên phục vụ nhu cầu thư giãn, giải trí của cán bộ công nhân viên KCN và dân cư xung quanh.

1.5. Đất giao thông

Toàn bộ khu công nghiệp có 4 đường trục dọc và 2 đường trục ngang tạo thành hệ thống giao thông hoàn chỉnh. Diện tích đất giao thông khoảng 168.849m²

Bảng quy hoạch hoạch sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất chia lô công nghiệp.	804.389	70,63
2	Đất hành chính, dịch vụ	28.269	2,48
	Đất công trình nhà điều hành	10.023	

	Đất công trình dịch vụ	11.792	
	Đất công trình phòng cháy chữa cháy	6.454	
3	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	18.871	1,66
4	Đất cây xanh, mặt nước	118.529	10,4
	Đất cây xanh	114.077	10,02
	Mặt nước	4.452	0,39
5	Đất Giao thông	168.849	14,82
Tổng cộng		1.138.907	100,00

2. Quy hoạch tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

Quan điểm quy hoạch dựa trên các yếu tố xanh - sạch - hiện đại - hài hòa - bền vững. Giải pháp bố trí không gian cảnh quan ưu tiên các mảng cây xanh, mặt nước nhằm điều hòa khí hậu, cách ly môi trường và tái tạo không khí sạch cho khu vực.

2.1. Khu đất xây dựng các nhà máy công nghiệp

Kiến trúc đơn giản hòa chung với môi trường cây xanh cách ly cảnh quan. Bố trí trên cơ sở định hướng tổ chức mạng lưới giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên trong khu đất tổ chức các khu chức năng rõ ràng: Khu hành chính, dịch vụ bao gồm: nhà điều hành, nhà ăn, nhà nghỉ công vụ, bãi đỗ xe ...; Khu nhà xưởng sản xuất công nghiệp; Khu cây xanh đảm bảo tỷ lệ để góp phần cân bằng môi trường, khí hậu cho khu vực.

2.2. Khu trung tâm điều hành, dịch vụ

- Khu điều hành: Tổ chức không gian theo kiến trúc hiện đại, hình khối đơn giản, màu sắc trang nhã kết hợp cây xanh cảnh quan tạo ấn tượng thân thiện khi tiếp cận. Là nơi xây dựng trụ sở làm việc của chủ đầu tư hạ tầng để xúc tiến kêu gọi đầu tư, điều hành và quản lý việc xây dựng, vận hành của các nhà máy trong khu công nghiệp đảm bảo đúng quy hoạch và hiệu quả.

- Khu dịch vụ: Chia làm 2 vị trí tại cổng 1 và cổng 2, nằm trên đường trục chính, cung cấp tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp.

- Khu công trình phòng cháy chữa cháy: Đặt tại phía Bắc của khu đất, là khu công trình, sân tập huấn, tập luyện và thực hành cho các chiến sĩ công an PCCC.

2.3. Khu cây xanh cảnh quan và cây xanh cách ly

Hệ thống cây xanh cảnh quan thiết kế thành khuôn viên đường dạo, tăng tính thẩm mỹ cho không gian KCN, đồng thời tạo môi trường làm việc thoáng mát, trong lành, bền vững, phục vụ nhu cầu thư giãn, giải trí ngoài giờ của cán bộ, công nhân viên.

Hệ thống cây xanh cách ly được bố trí quanh KCN với chiều rộng 10m, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường trong và ngoài KCN.

2.4. Khu hạ tầng kỹ thuật

Khu 1: Bố trí nhà máy xử lý nước thải, hồ điều hòa + cảnh quan, bãi xe,...

Khu 2: Bố trí bãi xe tĩnh đảm bảo nơi dừng đỗ của các phương tiện giao thông khi chờ xuất, nhập hàng hóa tại KCN.

3. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

3.1. Quy hoạch giao thông

Phát huy tối đa kết cấu hạ tầng giao thông hiện có, đảm bảo khai thác hiệu quả và phát triển bền vững. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống giao thông đạt chất lượng cao, đảm bảo tính kết nối liên thông, thuận lợi với các khu vực bên ngoài.

Tổ chức mạng lưới giao thông đơn giản, phân cấp mạch lạc, tạo điều kiện cho công tác khai thác, quản lý an toàn, thông suốt và hiệu quả. Đồng thời đảm bảo về mặt kiến trúc và mỹ quan, chống ồn do phương tiện giao thông.

Bố trí đường giao thông vào các công trình tâm linh, tôn giáo với chiều rộng đường tiếp cận là 3m phục vụ nhân dân tại các khu dân cư hiện hữu xung quanh.

Xây dựng các trục đường giao thông hoàn thiện nền, mặt đường, vỉa hè, cây xanh như sau:

- Đường D3 (trục giao thông động lực): Bề rộng mặt đường 21,0m; Bề rộng hè: $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$; Dải phân cách 14,0m. Chỉ giới đường đỏ 3m.

- Đường N2 (đoạn 1): Bề rộng mặt đường 11,0m; Bề rộng hè 4,0m + 11,0m = 15,0m.

- Đường D1, D2, D4, N1, N2 (đoạn 2): Bề rộng mặt đường 11,0m; Bề rộng hè: $2 \times 4,0\text{m} = 8,0\text{m}$. Chỉ giới đường đỏ 3m.

Chỉ giới xây dựng được xác định bằng 3m từ chỉ giới đường đỏ vào trong lô đất tại các lô đất dành cho xây dựng nhà xưởng, hạ tầng, hành chính dịch vụ,...

Dải cây xanh cách ly đảm bảo 10m.

3.2. San nền

Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên để san đắp nền với mức ít nhất. Đảm bảo độ dốc nền công trình để thoát nước tự chảy. Thoát nước mưa thuận tiện và không gây ngập úng.

Chiều cao san lấp trung bình 1,39m, cao độ từ +2.20 ÷ +2.65, với độ dốc là $i=0,05 \div 0,1\%$ đảm bảo thoát nước tự chảy và phù hợp cao độ đường giao thông quanh lô san nền. Toàn bộ khu vực đắp cát hoặc đất đầm chặt với độ chặt $K = 0,85$.

3.3. Thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa trực chính được bố trí cống BTCT B800x800, cống BTCT B1000xB1000, cống BTCT B1200x1200 và cống BTCT B1400x1400 xả ra mương T19.

Thu nước mưa mặt đường bằng hố ga thu trực tiếp và hố ga thăm thu kết hợp. Nước từ hố ga thu trực tiếp thoát về hố ga thăm thu kết hợp bằng cống tròn D400 chịu lực dưới đường. Vị trí xả ra mương thiết kế 6 cửa xả.

Thiết kế cống hộp 1,5x1,5m chiều dài L=67m hoàn trả mương T15 hiện trạng vị trí qua cống số 1.

Hướng thoát nước mưa của cả khu vực thoát ra mương T19 hiện trạng. Thiết kế cống bản B=3m kiên cố hóa kênh T19 với chiều dài L=1224m.

3.4. Cấp nước

Nguồn cấp nước được cung cấp bởi Nhà máy nước chi nhánh Ý Yên (tại thị trấn Lâm) của công ty Cổ phần cấp nước Nam Định. Đầu nối với điểm cấp nước thỏa thuận với đơn vị cấp nước.

Nhu cầu dùng nước sinh hoạt của dự án là ~ 2600 m³/ngày

Mạng lưới cấp nước sử dụng ống HDPE kích thước D160-D250. Các hố van đồng hồ, van chặn, van xả khí, van xả kiệt,...

Lượng nước phòng cháy chữa cháy được lấy từ các trụ cứu hỏa bố trí trên các tuyến ống kích thước DN110 trở lên, và khoảng các các trụ với nhau khoảng 150m, ngoài ra có thể bổ sung lấy nước từ hồ điều hòa của dự án trong trường hợp có cháy xảy mà tuyến ống cấp nước đang được bảo trì sửa chữa.

Lượng nước tưới cây, rửa đường được lấy từ các hồ điều hòa trong dự án. Từ các hố lấy nước tưới cây đầu nối với hồ điều hòa.

3.5. Cấp điện

Nguồn điện cấp cho khu công nghiệp lấy từ hệ thống điện quốc gia thông qua đường dây 110kV Ninh Bình - Trinh Xuyên (ĐZ 110kV lộ 172 E23.1 - E3.1) dẫn về TBA 110kV đặt tại xã Yên Tiến, giáp Yên Khang. MBA tại trạm có công suất 40MVA.

Đường dây trên không 35(22)kV đi dọc trên vỉa hè các trục đường trên các cột BTLT do đơn vị cung cấp điện xây dựng, phục vụ sản xuất công nghiệp.

Xây dựng mới hệ thống đèn điện chiếu sáng công cộng dọc theo các tuyến đường nội bộ của KCN, cấp nguồn 0,4kV. Sử dụng 02 tủ điều khiển chiếu sáng tự động 2 chế độ và sử dụng bộ đèn LED 150W lắp đặt trên cột thép mạ kẽm cao 9m, 11m.

3.6. Thoát nước thải và quản lý chất thải rắn

a) Thoát nước thải

Xây dựng trạm xử lý nước thải có tổng công suất 2000 m³/ngày (xây dựng phân kỳ công suất cho phù hợp với thời gian lắp đầy cho thuê của khu công nghiệp). Được tách thành 2 đường ống:

- Ống thoát nước thải sinh hoạt (chỉ thu gom tại các khu điều hành, dịch vụ): Thiết kế đường ống DN200 có áp thoát từ vị trí các lô đất điều hành, dịch vụ chảy về trạm xử lý nước thải.

- Ống thoát nước thải sản xuất (tại các nhà máy xí nghiệp thứ cấp): Thiết kế đường ống DN315 có áp thoát từ vị trí các lô đất công nghiệp được bơm về trạm xử lý nước thải.

Mạng lưới cống thu gom nước thải được bố trí dọc theo đường giao thông đảm bảo thu gom nước thải từ các nhà máy dẫn về trạm xử lý nước thải. Nước thoát ra từ trạm xử lý nước thải được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường. Công suất xử lý nước thải bằng 100% công suất cấp nước.

Bố trí công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Quản lý chất thải rắn

Chất thải rắn được phân loại tại nguồn và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn phát sinh tại các vị trí thu gom ở nhà máy thứ cấp.

Bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt tại những khu vực công cộng như gần nhà máy, công viên, đầu các tuyến đường của KCN,... vận chuyển đến nơi xử lý chất thải rắn của tỉnh Nam Định.

4. Đánh giá môi trường chiến lược

Thực hiện các biện pháp quản lý, tổ chức thi công phù hợp nhằm đảm bảo an toàn cho người, máy móc, thiết bị và vệ sinh môi trường xung quanh.

Đối với chất thải rắn từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động: Tuyên truyền, khuyến khích công nhân phân loại rác tại nguồn, tiến hành thu gom và đem đi xử lý đúng quy định.

Đối với chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại, thuê đơn vị có năng lực đến thu gom và đem đi xử lý.

Hệ thống thu gom nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Toàn bộ nước thải phát sinh sẽ được thu gom và đưa vào trạm xử lý nước thải (được xây dựng hệ thống trạm xử lý nước thải đảm bảo đủ công suất) để xử lý đảm bảo theo QCVN-40/2011/BTNMT trước khi thải ra sông S48 phía Đông của dự án.

Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải đảm bảo hệ thống luôn trong trạng thái hoạt động ổn định nhất. Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng, kiểm tra hoạt động của hệ thống để kịp thời phát hiện những chỗ rò rỉ, hư hại, có biện pháp khắc phục kịp thời.

5. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong "Quy định quản lý Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Hồng Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (tỷ lệ 1/500)" kèm theo đồ án này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định: Chịu trách nhiệm đảm bảo tính chính xác thông tin, số liệu báo cáo; quản lý quỹ đất và trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. UBND huyện Ý Yên: Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp và các đơn vị liên quan công bố công khai quy hoạch chi tiết được duyệt theo quy định.

3. Sở Xây dựng và các ngành chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp; Chủ tịch UBND huyện Ý Yên và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: Vp1, Vp5.

Olao

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Dũng